

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI**

Số: **38**/MTĐT

V/v công bố thông tin về Báo cáo thường niên
năm 2020.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 02 tháng 4 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Tên công ty: Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai.

Mã chứng khoán: MLC.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân,
thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: (0214) 3841 038

Fax: (0214) 3841 038

Người đại diện theo pháp luật ông: Phạm Văn Tân

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Điện thoại: 0945035555

Người được ủy quyền CBTT:

Chức vụ: Điện thoại:

Loại thông tin công bố:

24 giờ; 72 giờ; bất thường; theo yêu cầu; định kỳ.

Nội dung của thông tin công bố: Công bố thông tin về Báo cáo thường niên
năm 2020 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường
dẫn: <https://moitruongdothilaocai.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BGD;
- Ban kiểm soát;
- Các Cổ đông;
- Lưu: VT, HĐQT (Tuần).

Phạm Văn Tân

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI
(Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp 5300133049 đăng ký lần đầu ngày 15/9/2010 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 22/5/2020.
- Vốn điều lệ: 41.711.750.000 đồng.
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 41.711.750.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Số điện thoại: 0214.3841.038
- Số Fax: 0214.3841.038
- Website: moitruongdothilaocai.com.vn
- Mã cổ phiếu: MLC.
- Ngày giao dịch đầu tiên (trên thị trường Upcom): 23/5/2017.

Quá trình hình thành và phát triển Công ty

Ngày 04/6/1993, Công ty phục vụ công cộng thị xã Lào Cai được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/11/1993, nhiệm vụ chủ yếu là công tác vệ sinh môi trường trên phần diện tích quy mô nhỏ tại địa bàn thị xã Lào Cai.

Tháng 9/1998, Công ty chuyển đổi phương thức hoạt động từ đơn vị hành chính sự nghiệp sang doanh nghiệp Nhà nước. Tổng số vốn điều lệ là 2.168.244.400 đồng, với ngành nghề kinh doanh chính là thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, thoát nước đô thị, quản lý, duy tu các công trình công cộng và làm các dịch vụ về vệ sinh, môi trường.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, sự gia tăng về rác thải và nguy cơ ô nhiễm môi trường ở một số huyện thị có khu du lịch lớn, Công ty đã mở rộng thị trường cung ứng dịch vụ tới các khu đô thị trọng yếu của tỉnh: Thị trấn Sa Pa (2001) nay là thị xã Sa Pa; thị trấn Bát Xát (2003); thị trấn Bắc Hà (2006) và Khối dịch vụ công sở (2009).

Tháng 4/2010 chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai với số vốn điều lệ là 10.673.000.000 đồng; hoạt động chủ yếu là thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; quản lý chăm sóc hệ thống cây xanh đô thị; quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng; duy tu, bảo dưỡng giao thông, thoát nước đô thị; phun nước chống bụi đường; quản lý nghĩa trang nhân dân và các dịch vụ về môi trường.

Ngày 31/12/2015 Công ty tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương, giá đấu thành công bình quân là 10.019 đồng/ 1 cổ phiếu.

Ngày 04/4/2016 Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo giấy đăng ký Doanh nghiệp số 462/CP, mã số doanh nghiệp 5300133049 với vốn điều lệ 41.711.750.000 đồng.

Ngày 12/12/2016 Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 189/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 4.171.175 cổ phiếu.

2. Ngành nghề, địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2	Trồng cây hàng năm khác	0119
3	Trồng cây ăn quả	0121
4	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
5	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây xanh đô thị; trồng các cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa.	0129
6	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
7	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
8	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
9	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

10	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
11	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
12	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
13	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
14	Khai thác thủy sản nội địa	0312
15	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
16	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hóa, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản.	2023
17	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
18	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
19	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
20	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Vận hành và sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông và đài phun nước.	3314
22	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
23	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
24	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
25	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu.	3811 (Chính)
26	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt, chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp.	3812
27	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu.	3821
28	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy	3822

	hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp.	
29	Tái chế phế liệu	3830
30	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm, ao.	3900
31	Xây dựng nhà để ở	4101
32	Xây dựng nhà không để ở	4102
33	Xây dựng công trình đường bộ	4212
34	Xây dựng công trình điện	4221
35	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
36	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường.	4229
37	Phá dỡ	4311
38	Chuẩn bị mặt bằng	4312
39	Lắp đặt hệ thống điện	4321
40	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
41	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
42	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
43	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
44	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
45	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống	4620
46	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ công tác môi trường.	4659
47	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại hóa phẩm và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải.	4669

48	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
49	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
50	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
51	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
52	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
53	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
54	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở.	6810
55	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế các công trình xây dựng, cây xanh đô thị, rừng, điện chiếu sáng.	7110
56	Cho thuê xe có động cơ	7710
57	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Dịch vụ tuần tra và bảo vệ.	8010
58	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
59	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
60	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
61	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
62	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
63	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

- Địa bàn hoạt động: Tỉnh Lào Cai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

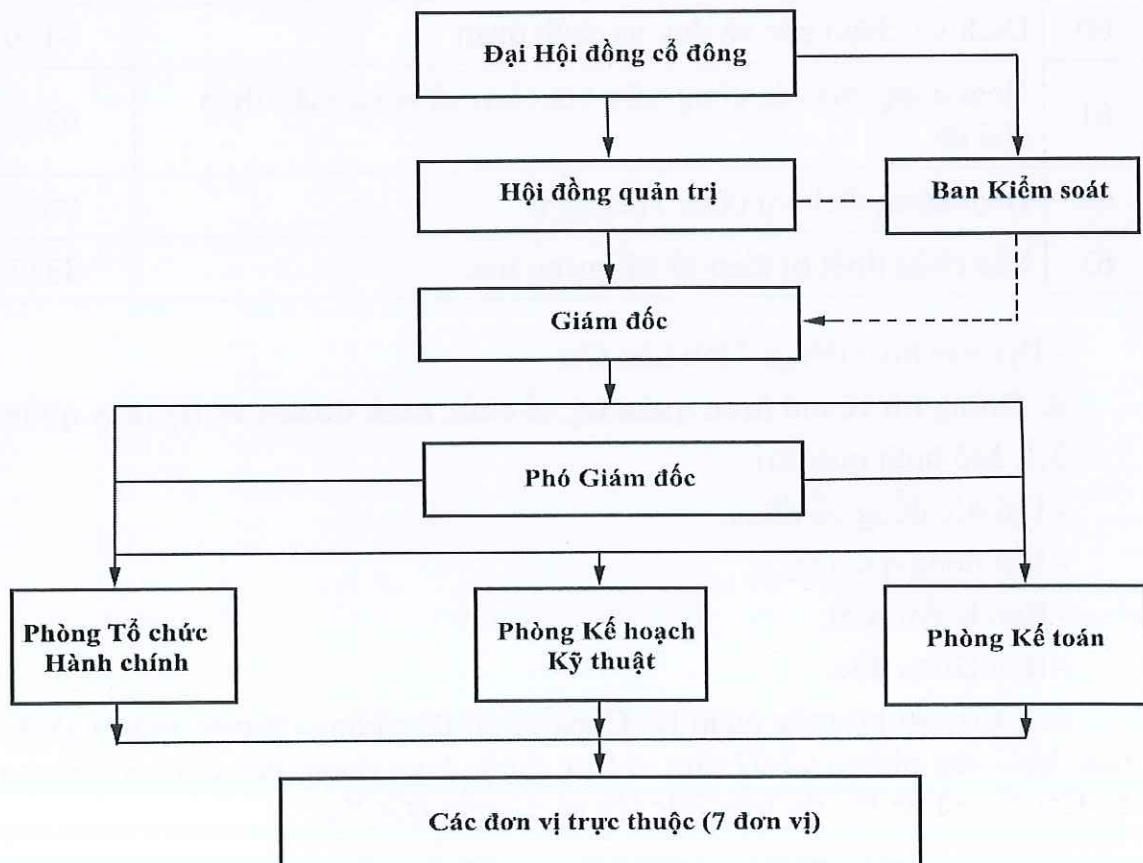
- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Ban Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty có 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc khối văn phòng và 07 đơn vị trực thuộc hoạt động trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị trấn Bát Xát.

- Danh sách các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc, gồm:

TT	Tên phòng, đơn vị trực thuộc	Địa chỉ trụ sở làm việc
1	Phòng Tổ chức Hành chính	Số 099 đường Nhạc Sơn, tổ 19, P. Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai
2	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	
3	Phòng Kế toán	
4	Xí nghiệp Môi trường TP Lào Cai	Số 071 phố Lê Văn Thiêm, tổ 2, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
5	Xí nghiệp Công viên - Cây xanh	
6	Xí nghiệp Cơ điện - Dịch vụ	
7	Xí nghiệp Xử lý rác thải thành phố Lào Cai	Thôn Toòng Mòn 1, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
8	Xí nghiệp Môi trường Sa Pa	Số 065, đường Thạch Sơn, tổ 3 phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, T Lào Cai
9	Xí nghiệp Môi trường Bắc Hà	Thôn Nậm Sắt 4, thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai
10	Xí nghiệp Môi trường Bát Xát	Tổ 7, đường Hùng Vương, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

Sơ đồ bộ máy



Nhiệm vụ, chức năng của từng bộ phận

- Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn.

Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Giám đốc

Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất, kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo về thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã đề ra trong cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ SXKD theo từng giai đoạn.

- Các Phó Giám đốc

Tham mưu cho Giám đốc Công ty về phương án tổ chức bộ máy, công tác cán bộ; phương án SXKD, lao động, tiền lương, các chế độ chính sách theo đúng Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật. Điều hành mảng công việc của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Giám đốc Công ty. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị công ty và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công.

- Phòng Tổ chức Hành chính

Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty trong việc chuẩn bị các phương án về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, xây dựng định mức lao động, tiền lương, bảo hiểm, bảo hộ và công tác an toàn, vệ sinh lao động. Thực hiện chức năng quản trị

hành chính văn phòng, phục vụ lễ tân, công tác thi đua khen thưởng, tuyên truyền cổ động và một số công tác khác do Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc giao. Thường trực công tác thi đua, quân sự quốc phòng, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, thanh tra, tiếp dân,...

- Phòng Kế hoạch Kỹ thuật

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty về công tác xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý kỹ thuật, cung ứng vật tư, định hướng đầu tư trong các lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh của công ty.

- Xây dựng kế hoạch định hướng phát triển trung, dài hạn, hàng năm, hàng quý, hàng tháng; lập và theo dõi thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư XDCB, kế hoạch sửa chữa tài sản cố định, kế hoạch vật tư, kế hoạch tài chính theo kế hoạch hàng năm và dài hạn của Công ty;

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị; Giám đốc công ty trong công tác tổ chức; tham gia đấu thầu; ký kết các hợp đồng kinh tế và nghiệm thu thanh toán với các đối tác kinh tế.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức thực hiện công tác lập sổ bộ, thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo quy định.

- Hướng dẫn các đơn vị lập kế hoạch; tổng hợp, tham mưu công tác giao kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tổng hợp đánh giá nghiệm thu nội bộ cho các đơn vị trực thuộc.

- Tổ chức và thực hiện việc mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng; quản lý, cấp phát, điều chuyển, thu hồi, thanh lý ... vật tư, thiết bị đảm bảo phục vụ kịp thời sản xuất trong công ty.

- Tham mưu ban hành các tập định mức, đơn giá, các quy trình kỹ thuật, các quy định quản lý nội bộ; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tập định mức, các quy trình kỹ thuật và các quy định nội bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Thực hiện nhiệm vụ khác khi được lãnh đạo Công ty phân công.

- Phòng Kế toán

Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty về công tác quản lý tài chính, kế toán, quản lý sử dụng vốn của Công ty:

- Tổ chức hạch toán kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của Nhà nước;

- Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo kế toán thống kê, phân tích hoạt động hoạt động sản xuất kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của công ty;

- Ghi chép phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống diễn biến các nguồn vốn; giải quyết các loại vốn, phục vụ cho việc huy động vật tư, nguyên liệu, hàng hóa trong sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Theo dõi công nợ, phản ánh và đề xuất kế hoạch thu chi tiền mặt và các hình thức thanh toán khác;

- Thực hiện quyết toán quý, 6 tháng, năm theo đúng quy định;

- Tham mưu cho Giám đốc Công ty chỉ đạo các đơn vị thực hiện chế độ quản lý tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;

- Quản lý việc thu, chi tiền mặt đúng nguyên tắc bí mật, an toàn;

- Quản lý kho vật tư bảo đảm an toàn theo đúng nội quy quản lý kho, xuất vật tư đúng và đủ;

- Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán thống kê cho cán bộ phụ trách kế toán của các đơn vị trực thuộc công ty;

- Thực hiện nhiệm vụ khác khi được lãnh đạo Công ty phân công.

- Các đơn vị trực thuộc

Có chức năng, nhiệm vụ: Sản xuất, kinh doanh theo nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị; có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Công ty giao hàng năm; thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ chính sách Nhà nước ban hành, các Nội quy, Quy chế của Công ty; có trách nhiệm đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với người lao động; ổn định đời sống về vật chất, tinh thần và việc làm cho cán bộ, CNVLD thuộc đơn vị mình quản lý.

- **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Công ty luôn phấn đấu và tiếp tục duy trì là Doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Chất lượng dịch vụ và thái độ phục vụ luôn được trú trọng hàng đầu;

- Hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đóng góp của các cổ đông;

- Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong Doanh nghiệp, gắn mục tiêu phát triển Công ty với lợi ích Nhà nước và lợi ích cổ đông;

- Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý và điều hành doanh nghiệp;

- Xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp, tay nghề cao, nội bộ đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra;

- Mở rộng địa bàn, ngành nghề kinh doanh; nâng cao năng xuất, chất lượng dịch vụ và kinh doanh có hiệu quả;

- Trong các hoạt động của Công ty, phải xem lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích đô thị tại thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị trấn Bát Xát là lĩnh vực then chốt, lâu dài, có tính chất quyết định đến yếu tố thành công, phát triển hoặc thất bại của Công ty;

- Xem xét đầu tư có trọng điểm để nâng cao khả năng cạnh tranh của mảng dịch vụ công ích đô thị có nguồn thu không từ ngân sách Nhà nước; tiền đến doanh thu dịch vụ là nguồn thu quan trọng góp phần đáng kể vào bảo toàn nguồn vốn, nâng cao lợi nhuận, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và nâng cao thu nhập cho người lao động trong Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể của tỉnh Lào Cai, Công ty sẽ xem xét đầu tư xây dựng các dự án để phục vụ cho việc thu gom và xử lý rác thải phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong các năm tiếp theo;

- Tập trung đổi mới công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để từng bước cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc;

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp; hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến năm 2025. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tiếp theo;

- Thực hiện lộ trình thoái vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ và của tỉnh Lào Cai.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Hoạt động kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu của các cổ đông; đầu tư hiệu quả các dự án; nâng cao năng lực, khả năng cạnh tranh và uy tín Doanh nghiệp trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích đô thị.

- Xác định các mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp gắn với trách nhiệm bảo vệ môi trường và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro kinh tế: Nền kinh tế phát triển nóng, tính cạnh tranh ngày càng cao, hiện tượng biến đổi khí hậu, ảnh hưởng của đại dịch COVID - 19... đã tác động đến nền kinh tế nước ta nói chung, trong đó có tỉnh Lào Cai; việc hạn chế đầu tư công, thắt chặt chi tiêu đã ảnh hưởng đến quá trình đầu tư xây dựng, cắt giảm chi phí, đầu tư trong việc duy trì dịch vụ công ích đô thị đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty.

5.2. Rủi ro về pháp luật: Việc áp dụng pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập, tính thực thi chưa cao và chưa được áp dụng triển khai kịp thời. Do vậy, đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác hoạch định chiến lược phát triển trung, dài hạn của Công ty.

5.3. Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào: Giá nguyên, nhiên, vật liệu không ổn định, thường xuyên có biến động tăng; hệ thống định mức, đơn giá không điều chỉnh kịp thời đã ảnh hưởng không nhỏ đến chí phí đầu vào của Doanh nghiệp và gây ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.4. Rủi ro về môi trường: Tình trạng ô nhiễm môi trường trong việc xả thải rác thải sinh hoạt, rác thải của hoạt động công nghiệp chưa được thu gom xử lý đúng quy định; tình trạng thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải từ các hoạt động sản xuất công nghiệp chưa được đầu tư xử lý triệt để...gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường. Mặc dù, trong thời gian qua việc xả thải của các khu công nghiệp đã được Chính phủ và các địa phương tăng cường triển khai kiểm tra phát hiện và xử lý. Song, vẫn còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, thiếu sự phối hợp của các ban ngành liên quan.

5.5. Rủi ro khác: Các rủi ro nằm ngoài dự đoán và quá khả năng phòng chống của con người như chiến tranh, thiên tai, thời tiết, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng. Mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Doanh nghiệp. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động SXKD

Biểu 1.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	110.000	123.538,09	112,31
2	Lợi nhuận trước thuế	6.800	9.901,65	145,61
3	Tổng lợi nhuận sau thuế để phân phối		9.170,01	
-	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	5.800	8.872,99	152,98
-	Lợi nhuận tăng thêm sau Kết luận của Thanh tra thuế năm 2019 chuyển sang		297,02	
4	Trích lập các quỹ (30% LNST)	1.740	2.751,00	158,10
-	Quỹ đầu tư phát triển	348	550,20	158,10
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.392	2.200,80	158,10
5	Lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức	4.060,00	6.419,01	158,10
6	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến (%)	9,73	15,39	158,10
7	Nộp ngân sách nhà nước	8.000	9.227,65	115,31

Ngay sau kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội bằng việc chỉ đạo rà soát sắp xếp lại lao động; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch SXKD đảm bảo hiệu quả,... Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Công ty gặp không ít khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 (khó khăn trong công tác thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn), chi phí sản xuất tăng; đơn giá định mức còn thấp, chưa được điều chỉnh kịp thời; hệ thống ga tập kết rác còn thiếu, đặc biệt tại thị xã Sa Pa chưa có ga tập kết rác;... đã ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ. Trước tình hình đó, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã tập trung bàn bạc tiết kiệm tối đa mọi chi phí, tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành; thay đổi phương thức tổ chức sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; đầu tư thêm phương tiện, thiết bị để nâng cao năng xuất, chất lượng dịch vụ; nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

Kết quả SXKD năm 2020 đều đạt và vượt so với kế hoạch đã đề ra, cụ thể: Doanh thu đạt 112,31% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 9,64% so với thực hiện năm 2019; lợi nhuận trước thuế đạt 145,61% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 40,86% so với thực hiện năm 2019; nộp ngân sách đạt 115,35% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 6,8% so với thực hiện năm 2019.

Tình hình tài chính: Công ty quản lý tài sản hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, có khả năng thanh toán các khoản nợ; tăng cường chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí; tích cực công tác đối chiếu, thu hồi công nợ. Công tác tài chính kế toán được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định của Luật kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban lãnh đạo Công ty

Biểu 2

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hiện nay	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần có quyền biểu quyết			Tỷ lệ %
					Tổng số	Trong đó		
						Cổ phần cá nhân	Cổ phần Nhà nước	
1	Phạm Văn Tân	24/7/1961	Chủ tịch HĐQT	KS Mỏ địa chất	2.163.299	36.000	2.127.299	51,86
2	Ngô Văn Trường	21/10/1971	Thành viên HĐQT, Giám đốc	KS Trồng trọt	16.900	16.900		0,41

3	Bùi Văn Tốt	10/10/1960	Thành viên HĐQT, PGĐ	Cử nhân Kinh tế	16.200	16.200	0,39
4	Hoàng Văn Phương	05/11/1964	Thành viên HĐQT, PGĐ	Cử nhân Kinh tế	15.744	15.744	0,38
5	Trần Quang Toàn	25/3/1979	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng KH-KT	KS: Lâm học; ks Xây dựng	11.400	11.400	0,27
6	Đặng Văn Giáp	29/01/1973	Kế toán trưởng	Cử nhân Kinh tế	16.544	16.544	0,40

2.2. Danh sách Ban Kiểm soát Công ty: 03 người.

Biểu 3

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hiện nay	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần có quyền biểu quyết			Tỷ lệ %
					Tổng số	Trong đó		
						CP cá nhân	Cổ phần Nhà nước	
1	Đào Thị Minh Thủy	05/7/1978	Trưởng ban	Cử nhân Kinh tế	9.000	9.000	0,22	
2	Phạm Văn Tiên	24/8/1967	Thành viên	Cử nhân Kinh tế	8.844	8.844	0,21	
3	Lê Thị Thuận	19/5/1978	Thành viên	Cử nhân Kinh tế	5.400	5.400	0,12	

2.3. Những thay đổi nhân sự trong Ban điều hành:

- Trường hợp miễn nhiệm: Từ ngày 01/11/2020 Công ty đã miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với đồng chí Bùi Văn Tốt để nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí theo quy định.

2.4. Số lượng cán bộ, công nhân viên

a) Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2020

Biểu 4.

TT	Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng (%)
I	Trình độ lao động:	591	
1	Đại học, trên đại học	69	11,68
2	Cao đẳng, trung cấp	40	6,77
3	Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	53	8,96
4	Lao động phổ thông	429	72,59
II	Giới tính	591	
1	Nam	206	34,86
2	Nữ	385	65,14

b) Chính sách đối với người lao động

- Về tiền lương, tiền thưởng

Việc trả lương, trả thưởng được quy định trong Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm. Hàng năm, căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế Công ty sẽ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Quy chế trả lương, trả thưởng dựa trên năng xuất, chất lượng, hiệu quả công việc nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2020 đạt 9,06 triệu đồng/người/tháng và năm 2019 đạt 8,2 triệu đồng/người/tháng.

- Về công tác đào tạo

Chú trọng đào tạo, đào tạo lại cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật với phương châm đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tự nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty nhằm sử dụng hợp lý, có hiệu quả.

- Công tác đời sống đối với CB CNVLD

Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật; luôn đảm bảo người lao động có việc làm và thu nhập ổn định; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động; quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho CB CNVLD, như: Người lao động làm việc trong Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, được trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động và tham gia chế độ BHXH, BHYT, BHTN, lễ, tết phép, ốm đau, nghỉ chế độ; tổ chức khám sức khỏe định kỳ và thực hiện bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động theo đúng quy định; tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời người lao động khi ốm đau hay gặp khó khăn trong cuộc sống. Đồng thời, công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động VHVN, TDTT; tổ chức cho người lao động đi thăm quan, nghỉ mát, đi học hỏi kinh nghiệm; tổ chức gặp mặt, tặng quà cho nữ CB CNVLD ngày Quốc tế phụ nữ 08/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức liên hoan, tặng quà cho con CB CNVLD nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6 và ngày Tết Trung thu hàng năm,... Từ đó đã tạo không khí vui tươi, phấn khởi, xây dựng tinh thần đoàn kết nội bộ và thúc đẩy người lao động thêm yêu ngành, yêu nghề, yên tâm công tác, cống hiến lâu dài cho Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn trong năm

Trong năm, Công ty đã triển khai đầu tư xây dựng, mua sắm phương tiện, thiết bị đảm bảo phù hợp với tình hình, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ và luôn thực hiện đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

- Kết quả các khoản đã đầu tư lớn trong năm:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Đã đầu tư đến 31/12/2019	KH đầu tư năm 2020	Kết quả đầu đến hết ngày 31/12/2020
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Xí nghiệp Môi trường Sa Pa	8.993,08	1.579,78	7.500	2.596,3
2	Mua mới 01 xe ép rác 6 m3, tải trọng 3 tấn			1.150	897,31
3	Mua mới 14 xe điện 3 bánh	(Kế hoạch là 30 chiếc)		990	464,87
2	Mua mới 01 xe ô tô tang lễ			1.700	Chưa TH
3	Mua mới 01 xe ép rác 14 m3, tải trọng 6,5 tấn			1.850	Chưa TH
6	Đầu tư hệ thống vườn ươm			400	Chưa TH

	cây xanh đô thị				
7	Làm Gara để xe điện 3 bánh			100	Chưa TH
8	Đầu tư sửa chữa lớn nhà máy xử lý rác			500	Chưa TH
9	Bổ sung máy nghiền mùn tinh cho nhà máy xử lý rác			150	Chưa TH
	Tổng công:			14.340	3.671,81

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình Tài chính

a) Tình hình tài chính

Biểu 5.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giai đoạn từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	So sánh chỉ tiêu tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	180.454.498.704	185.259.831.829	4.805.333.125
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	112.678.521.971	123.538.086.001	10.859.564.030
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	7.071.235.013	9.920.939.607	2.849.704.594
4	Lợi nhuận khác	Đồng	- 41.708.079	- 19.293.605	- 22.414.474
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	7.029.526.934	9.901.646.002	2.872.119.068
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	5.995.571.442	8.872.987.272	2.877.415.830

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Biểu 6.

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2019	31/12/2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,893	2,891
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,751	2,785

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	17,848	18,412
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	21,725	22,567
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	vòng	28,731	37,478
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,620	0,662
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,363	7,238
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,044	5,870
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,322	4,789
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,325	8,092

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tính đến hết ngày 31/12/2020 Công ty đã phát hành 4.171.175 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phần phổ thông: 4.171.175 cổ phiếu.
- Số cổ phần đang lưu hành: 4.171.175 cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông của Công ty

Biểu 7.

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	2.419.281	58
2	Cổ đông nhỏ	1.751.894	42
3	Cổ đông Nhà nước	2.127.299	51
4	Cổ đông trong nước	4.171.175	100
5	Cổ đông tổ chức	2.419.281	58
6	Cổ đông cá nhân	1.751894	42

Danh sách cổ đông lớn

Biểu 8.

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VNĐ
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai		Trụ sở khối 2, đường Trần Hưng Đạo, P. Nam Cường - TP. Lào Cai - T. Lào Cai	2.127.299	51 %
2	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa	Số 0101033072 đăng ký lần đầu ngày 20/6/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/9/2014 do sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp	Số 11, tổ 01, Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội	291.982	7 %

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Công ty luôn sử dụng nguồn vật liệu theo đúng quy định, đúng chỉ tiêu từng hạng mục công trình, đảm bảo về số lượng, chất lượng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Công ty làm tốt công tác quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị trấn Bát Xát theo đúng Phương án của tỉnh; luôn có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an toàn cho hoạt động của người dân, đảm bảo ANTT, TTATXH và đảm bảo mỹ quan đô thị, đồng thời tiết kiệm chi phí từ ngân sách cho địa phương. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh công ty luôn quán triệt đến CB CNVLD nêu cao ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng; đầu tư lựa chọn thiết bị hiện đại, tiêu hao ít năng lượng thay thế dần cho thiết bị lạc hậu, kém hiệu quả từ đó đã góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng công việc và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng.

6.3. Tiêu thụ nước: Nguồn nước phục vụ cho hoạt động tại các địa điểm văn phòng làm việc sử dụng nước máy của Công ty Cổ phần Cấp nước tỉnh

Lào Cai cung cấp; nguồn nước phục vụ rửa đường, tưới cây xanh đô thị Công ty sử dụng nguồn nước giếng với sự quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ theo đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định giữ gìn và bảo vệ môi trường theo quy định.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 (không).

b) Tổng số tiền do bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 (không).

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động

- Tổng số lao động 591 người. Trong đó, nữ 385 người, nam 206 người.

- Mức lương bình quân năm 2020 đạt 9,06 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động liên quan đến người lao động

Được quy định cụ thể trong nội quy, quy chế, thảo ước lao động tập thể của Công ty. Trong năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định; thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật; trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định; tổ chức kèm cặp bổ sung kiến thức, tay nghề nâng bậc lương, tổ chức huấn luyện ATVSLĐ theo định kỳ hàng năm; giải quyết, chi trả kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, phép và trợ cấp khó khăn cho người lao động; tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho gia đình khó khăn, gia đình chính sách, các cháu tật nguyền và thăm hỏi hiếu, hi, ốm đau kịp thời đến người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Trong năm 2020, Công ty đã cử 05 cán bộ theo học lớp Trung cấp lý luận chính trị, 01 cán bộ theo học lớp Cao học Quản lý kinh tế; tổ chức học, thi nâng bậc lương, huấn luyện công tác ATVSLĐ, tay nghề cho 138 người lao động; cử 17 đồng chí theo học các lớp bồi dưỡng, cấp các chứng chỉ nghiệp vụ. Ngoài ra, cán bộ, nhân viên của các phòng, ban cũng thường xuyên được cử đi học các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề; tham dự các hội thảo, hội nghị nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Trong năm, Công ty đã tích cực tham gia công tác chính sách - xã hội và đền ơn đáp nghĩa như: Tổ chức tặng quà cho gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có con bị tật nguyền trong dịp Lễ, Tết; tiếp tục thực hiện giúp đỡ xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng trong chương trình giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững với tổng giá trị thành tiền được 77,3 triệu đồng; tham gia quyên góp, ủng hộ quỹ nhân đạo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, ngày vì người nghèo, quỹ học bổng khối thi đua, hỗ trợ người lao động trong đơn vị có hoàn cảnh khó khăn... với tổng số tiền được 210,6 triệu đồng.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Phân tích tổng quan

Từ sau ngày chuyển đổi thành Công ty Cổ phần đến nay, tổ chức và hoạt động của Công ty ngày càng đi vào ổn định và từng bước có sự phát triển; đội ngũ CB CNVLĐ lành nghề, nhiều năm kinh nghiệm, có ý thức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, yêu ngành, yêu nghề gắn bó xây dựng đơn vị... nên Công ty đã đảm nhận và hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực môi trường đô thị trên địa bàn được giao nhiệm vụ; đã củng cố được uy tín, niềm tin từ các đối tác, khách hàng, được chính quyền địa phương, các cấp, ngành và người dân tin tưởng, đánh giá cao.

Trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính và kết quả hoạt động SXKD của Công ty (được tóm tắt tại biểu 1) cùng các chỉ tiêu tài chính đạt được (biểu 4), Công ty đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Ban Giám đốc Công ty đưa ra một số ý kiến đánh giá như sau:

Chỉ tiêu đạt được đều vượt với kế hoạch đề ra và tăng hơn thực hiện năm trước, cụ thể: Doanh thu đạt 112,31% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 9,64% so với thực hiện năm 2019; lợi nhuận trước thuế đạt 145,61% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 40,86% so với thực hiện năm 2019; nộp ngân sách đạt 115,35% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 6,8% so với thực hiện năm 2019.

- Các chỉ tiêu kinh tế đạt được cho thấy tình hình quản trị doanh nghiệp tốt, hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả và vượt chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra, bảo toàn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

b) Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm qua, Ban lãnh đạo công ty đã phát huy trí tuệ tập thể và nâng cao vai trò cá nhân trong mỗi lĩnh vực công tác, thúc đẩy tính sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong mỗi CB CNVLĐ. Đồng thời, chủ động đầu tư thêm phương tiện, thiết bị; tăng cường quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ nên hoạt động sản xuất kinh doanh luôn ổn định và phát triển; từng bước cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất đã mang lại hiệu quả thiết thực như: Cải tiến phương pháp xử lý nước rỉ rác bãi rác Toòng Mòn, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai; số hóa các tuyến thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Lào Cai; ứng dụng phần mềm CityWork trong việc thu giá và tích hợp phát hành hóa đơn điện tử cho công tác thu giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn; rà soát, lên biểu đồ thời gian vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố Lào Cai nhằm tiết giảm năng lượng (mục tiêu giảm từ 5-7% tổng tiêu hao năng lượng)... Từ đó đã góp phần cải thiện môi trường làm việc và giải phóng sức lao, tăng năng suất, chất lượng công việc và đã đem lại hiệu quả thiết thực trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.

- Hoạt động kinh doanh: Công ty đã đầu tư thêm phương tiện, tiết bị; tăng cường chỉ đạo, điều hành, quản lý, giám sát thi công nên các công trình do công ty thực hiện luôn đảm bảo tiến độ và chất lượng theo yêu cầu, như: Công trình cải tạo cây xanh dải phân cách đường Trần Hưng Đạo; đánh chuyển cây xanh dải phân cách đường Hoàng Liên, thành phố Lào Cai... Đồng thời, duy trì các hợp đồng dịch vụ chăm sóc cây xanh các trụ sở hợp khối, Trung tâm Hội nghị tỉnh, Đài tưởng niệm tỉnh, công viên Hồ Chí Minh...; duy trì các hợp đồng dịch vụ vận chuyển xử lý rác thải cho các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp và khu du lịch Cáp treo Fansipan; duy trì các dịch vụ như tang lễ, hút phốt, vệ sinh công sở, cơ khí sửa chữa... Từ đó đã tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập cho người lao động và đóng góp vào kết quả SXKD của Công ty.

- Từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại doanh nghiệp nhằm tăng cường công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và đạt hiệu quả.

- Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho người lao động về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Biểu 9.

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		% tăng/ giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	68.065.670.805	37,72	76.465.598.165	41,27	12,34
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.507.929.285	15,24	24.919.873.429	13,45	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
Các khoản phải thu ngắn hạn	37.211.285.179	20,62	48.759.106.236	26,32	
Hàng tồn kho	3.346.456.341	1,85	2.786.618.500	1,50	
Tài sản ngắn hạn khác					
Tài sản dài hạn	112.388.827.899	62,28	108.794.233.664	58,73	-3,20

Các khoản phải thu dài hạn					
Tài sản cố định	111.536.369.580	61,81	105.613.213.457	57,01	
Bất động sản đầu tư					
Tài sản dở dang dài hạn	270.505.560	0,15	2.636.507.278	1,42	
Đầu tư tài chính dài hạn					
Tài sản dài hạn khác	581.952.759	0,32	544.512.929	0,29	
Tổng tài sản	180.454.498.704	100,00	185.259.831.829	100,00	2,66

b) Tình hình nợ phải trả

Biểu 10.

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		% tăng/ giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	23.529.770.779	73,06	26.453.793.024	77,55	
Nợ dài hạn	8.677.359.328	26,94	7.656.493.524	22,45	
Tổng nợ phải trả	35.157.227.885	100	34.110.286.548	100,00	5,91

Cơ cấu nợ ngắn hạn

Biểu 11.

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
Phải trả cho người bán ngắn hạn	4.985.232.422	21,19	2.717.750.076	10,27
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	175.996.000	0,75	66.120.000	0,25
Thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước	1.230.971.916	5,23	2.143.276.747	8,10
Phải trả người lao động	14.517.764.100	61,70	18.508.207.300	69,96

Phải trả ngắn hạn khác	73.248.721	0,31	56.784.127	0,21
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.020.865.804	4,34	1.020.865.804	3,86
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.525.691.816	6,48	1.940.788.970	7,34
Tổng Nợ ngắn hạn	23.529.770.779	100	26.453.793.024	100

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Để đạt được kết quả như đã trình bày trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã có định hướng đúng trong chiến lược SXKD, đồng thời chú trọng việc cải tiến hệ thống quản lý, ổn định tổ chức nhằm phù hợp điều kiện và tình hình thực tế tại Công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ kỹ thuật, tay nghề cho người lao động; khuyến khích áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào SXKD và công tác điều hành, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Về sản xuất kinh doanh: Tiếp tục duy trì và phát triển các ngành nghề SXKD đã đăng ký và đang thực hiện. Cơ cấu, lựa chọn ngành nghề sản xuất kinh doanh phù hợp, chú trọng những ngành nghề mà Công ty có thế mạnh như vệ sinh môi trường, cây xanh, điện chiếu sáng, thoát nước đô thị, xử lý rác thải và các dịch vụ khác. Nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín và địa bàn đang hoạt động, khách hàng của Công ty, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động và tìm kiếm thêm khách hàng, đối tác khi có đủ điều kiện.

- Về quản lý tài chính: Tiếp tục hoàn thiện năng lực quản lý tài chính của Công ty, quản lý tốt các nguồn đầu tư, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Về tổ chức bộ máy hoạt động: Duy trì ổn định cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị, tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ CBCNV có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đoàn kết thống nhất, yêu ngành yêu nghề, tận tâm vì mục tiêu phát triển đơn vị.

5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến của kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề quan trọng và ưu tiên bậc nhất đối với bất cứ Quốc gia, dân tộc nào trên thế giới. Mọi quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường cũng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, thể hiện qua những chương trình, chính sách

hướng tới phát triển nền kinh tế xanh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai đang ngày một cải thiện, nâng cao chất lượng dịch vụ công ích đô thị là một trong những nội dung ưu tiên hàng đầu trong sự phát triển lâu dài của Công ty. Trong quá trình hoạt động, Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty luôn xem công tác bảo vệ môi trường là công việc cấp thiết, cần được ưu tiên hàng đầu bằng việc thực hiện các công tác như: Trong công tác xây dựng Công ty đã thực hiện các chính sách về sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu cho mỗi công trình thông qua việc tăng cường kiểm tra chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, tránh sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chất lượng thấp, sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý, tiết kiệm; quản lý và xử lý nước thải từ công trình, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như điện, giấy, nước... Ngoài ra, Công ty còn đặt ra các mục tiêu môi trường cho từng đơn vị bộ phận tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững thân thiện với môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo đúng quy định của Luật lao động. Tổ chức thực hiện tốt Thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế liên quan đến người lao động; thực hiện đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động theo quy định. Công tác chăm lo cho đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được tập trung chú trọng; người lao động luôn được bố trí đủ việc làm, được giải quyết, chi trả đầy đủ chế độ chính sách theo quy định hiện hành như: Người lao động được ký kết hợp đồng lao động, được trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động, chế độ BHXH, BHYT, BHTN, lễ, tết, phép, ốm đau luôn được chi trả kịp thời, đúng quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ và thực hiện bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động theo đúng quy định; tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời người lao động khi ốm đau hay gặp khó khăn trong cuộc sống. Đồng thời, công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động VHVN, TDTT; tổ chức cho người lao động đi thăm quan, nghỉ mát, đi học hỏi kinh nghiệm; tổ chức gặp mặt, tặng quà cho nữ CB CNVLĐ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức liên hoan, tặng quà cho con CB CNVLĐ nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6 và ngày Tết Trung thu..., tuyên truyền vận động CB CNVLĐ tích cực tham gia công tác từ thiện, quyên góp, ủng hộ các loại quỹ do các cấp phát động,... Từ đó đã tạo không khí vui tươi, phấn khởi, xây dựng tinh thần đoàn kết nội bộ và thúc đẩy người lao động thêm yêu ngành, yêu nghề, yên tâm công tác, cống hiến lâu dài cho Công ty.

c) Đánh giá liên qua đến trách nhiệm cộng đồng và địa phương

Trong năm, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực để thực hiện các trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng và địa phương như các hoạt động từ thiện xã hội, ủng hộ gia đình gặp khó khăn, tổ chức quyên góp, ủng hộ các gia đình đồng bào bị thiệt hại do thiên tai, bão lũ; ủng hộ và giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lào Cai; tuyên

truyền vận động nhân dân thực hiện phân loại rác tại nguồn, tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, sự điều hành của Ban Giám đốc, sự nỗ lực của tập thể người lao động trong Công ty đã phấn đấu và thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã đề ra (số liệu được tóm tắt tại Biểu 1), cụ thể:

Doanh thu đạt 112,31% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 9,64% so với thực hiện năm 2019; lợi nhuận trước thuế đạt 145,61% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 40,86% so với thực hiện năm 2019; nộp ngân sách đạt 115,35% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 6,8% so với thực hiện năm 2019.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

- Về công tác điều hành

Giám đốc điều hành thực hiện nghiêm, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hàng tháng, báo cáo HĐQT tình hình điều hành và kết quả SXKD thông qua cuộc họp Giao ban để có cơ sở đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty đề ra và phương hướng nhiệm vụ hàng tháng, quý.

Điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Về sản xuất, kinh doanh

Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, tích cực kịp thời, đảm bảo đúng quy định. Chỉ đạo hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

- Về chính sách đối với người lao động

Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về chính sách đối với người lao động. Ưu tiên chăm lo đời sống của người lao động, nhất là lực lượng lao động trực tiếp theo hướng gia tăng lợi ích.

Quyền lợi của người lao động trong Công ty luôn được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động được Công ty ký HĐLĐ; kê khai nộp đầy đủ, kịp thời bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ cho người lao động được đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

- Về chấp hành pháp luật: Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2021

a) Một số chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	123.538,09	120.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	9.901,65	9.180
3	Tổng lợi nhuận sau thuế để phân phối	Tr. đồng	9.170,01	
-	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	Tr. đồng	8.872,99	7.680
-	Lợi nhuận tăng thêm sau Kết luận của Thanh tra thuế năm 2019 chuyển sang	Tr. đồng	297,03	
4	Trích lập các quỹ (30% LNST)	Tr. đồng	2.751,00	2.304
-	Quỹ đầu tư phát triển	Tr. đồng	550,20	691
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr. đồng	2.200,80	1.613
5	Lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức	Tr. đồng	6.419,01	5.376
6	Tỷ lệ cổ tức	%	15,39	12,89
7	Nộp ngân sách nhà nước	Tr. đồng	9.227,65	8.000

b) Kế hoạch đầu tư, mua sắm năm 2021

Đầu tư bằng nguồn vốn của Doanh nghiệp (nguồn khấu hao tài sản cố định, đầu tư phát triển và vốn huy động).

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Đã đầu tư đến 31/12/2020	KH đầu tư năm 2021
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Xí nghiệp Môi trường Sa Pa	8.993,08	2.596,30	6.400
2	Mua mới 01 xe ô tô tang lễ			1.500
3	Đầu tư ga tập kết rác (05 cái); xe ép			8.100

	rác và xe nâng hạ			
4	Đầu tư hệ thống vườn ươm cây xanh đô thị			200
5	Các đầu tư khác			500
	Tổng công:			16.700

c) Nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

- Thực hiện chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, theo kế hoạch của Chủ tịch Hội đồng quản trị, sẽ tổ chức họp HĐQT mỗi quý 01 lần và họp bất thường khi cần thiết;

- Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị mà UBND tỉnh đã giao cho về lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị trấn Bát Xát;

- Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức bộ máy, cán bộ theo hướng tinh gọn, phù hợp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đã thông qua;

- Chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2021, như sau:

+ Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động của Doanh nghiệp;

+ Tiếp tục triển khai tốt Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa và thị trấn Bát Xát theo Quyết định số 4815/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của UBND tỉnh Lào Cai;

+ Tổ chức triển khai thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị trấn Bát Xát đảm bảo theo kế hoạch giao;

+ Chủ động tìm kiếm thêm việc làm nhằm tăng doanh thu cho doanh nghiệp và đảm bảo thu nhập cho người lao động trên nguyên tắc đúng quy định pháp luật và có hiệu quả;

+ Rà soát, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các quy định, các tập định mức, đơn giá nội bộ; khoán nhiên liệu cho các phương tiện vận chuyển, ... để các quy định, các tập định mức, đơn giá nội bộ này thực sự là các công cụ quản lý hữu hiệu, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty (trích trong Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 12/3/2021 của Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt): “Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo Tài chính đề cập nhật đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai tại thời điểm ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính”.


2. Báo cáo Tài chính được kiểm toán

Toàn văn Báo cáo Tài chính năm 2020 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt và được đăng tải chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: Website: moitruongdothilaocai.com.vn vào ngày 17/3/2021./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- SGDKC Hà Nội;
- Thành viên HĐQT, BGD;
- Ban Kiểm soát;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phạm Văn Tân



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
TỈNH LÀO CAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2-4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7-34
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>12-13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>14-34</i>

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai theo Quyết định số 4342/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 04 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 04 số 5300133049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 22 tháng 5 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 04: 41.711.750.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2020: 41.711.750.000 VND

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Vốn nhà nước do Ông Phạm Văn Tân làm đại diện	21.272.990.000	51,00%
Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị môi trường Hiệp Hòa	2.919.820.000	7,00%
Các cổ đông khác	17.518.940.000	42,00%
Cộng	41.711.750.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Điện thoại : 02143841038
Fax : 02143841038
Email : moitruonglaocai@gmail.com
Website : <https://www.moitruongdothilaocai.com.vn>
Mã số thuế : 5 3 0 0 1 3 3 4 9

Ngành nghề kinh doanh

- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa, công trình, cảnh quan;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước;
- Thi công các công trình điện trung, hạ thế dưới 35KV;
- Thi công xây lắp hệ thống chiếu sáng, hệ thống tín hiệu giao thông./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 34).

Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
Ông Bùi Văn Tốt	Ủy viên
Ông Ngô Văn Trường	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Phượng	Ủy viên
Ông Trần Quang Toàn	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đào Thị Minh Thủy	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Tiên	Thành viên
Bà Lê Thị Thuận	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Văn Trường	Giám đốc
Ông Bùi Văn Tốt	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Văn Phượng	Phó Giám đốc

Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 11 năm 2020

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Văn Giáp	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Lào Cai, Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Thay mặt Ban Lãnh đạo,

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Tân

Số : 2002.02/2021/NVT2-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo**
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai, được lập ngày 12 tháng 3 năm 2021 từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntv.vn [E] vpa@ntv.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNKT số: 0053-2018-124-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.465.598.165	68.065.670.805
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24.919.873.429	27.507.929.285
1. Tiền	111		6.919.873.429	7.507.929.285
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.759.106.236	37.211.285.179
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	41.618.434.862	34.067.181.131
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.200.908.987	1.486.075.048
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.939.762.387	1.658.029.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.786.618.500	3.346.456.341
1. Hàng tồn kho	141	V.5	2.786.618.500	3.346.456.341
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108.794.233.664	112.388.827.899
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		105.613.213.457	111.536.369.580
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	105.613.213.457	111.536.369.580
<i>Nguyên giá</i>	222		162.175.833.315	160.829.818.699
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(56.562.619.858)	(49.293.449.119)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.636.507.278	270.505.560
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	2.636.507.278	270.505.560
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		544.512.929	581.952.759
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	544.512.929	581.952.759
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		185.259.831.829	180.454.498.704

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		34.110.286.548	32.207.130.107
I. Nợ ngắn hạn	310		26.453.793.024	23.529.770.779
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	2.717.750.076	4.985.232.422
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	66.120.000	175.996.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.143.276.747	1.230.971.916
4. Phải trả người lao động	314		18.508.207.300	14.517.764.100
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	56.784.127	73.248.721
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	1.020.865.804	1.020.865.804
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	1.940.788.970	1.525.691.816
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.656.493.524	8.677.359.328
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	7.656.493.524	8.677.359.328
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.149.545.281	148.247.368.597
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	140.490.046.666	136.955.870.793
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		41.711.750.000	41.711.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.711.750.000	41.711.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		88.598.136.406	88.598.136.406
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.010.147.233	650.412.945
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.170.013.027	5.995.571.442
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.170.013.027	5.995.571.442
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		10.659.498.615	11.291.497.804
1. Nguồn kinh phí	431		7.821.600	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		10.651.677.015	11.291.497.804
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		185.259.831.829	180.454.498.704

Người lập biểu



Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng



Đặng Văn Giáp

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Phạm Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	122.618.669.547	111.850.078.883
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.352.728	53.123.909
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		122.595.316.819	111.796.954.974
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	104.437.321.210	96.146.858.042
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.157.995.609	15.650.096.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	927.201.800	815.851.000
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	287.969.229	318.212.379
Trong đó: chi phí lãi vay	23		287.969.229	318.212.379
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.876.288.573	9.076.500.540
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.920.939.607	7.071.235.013
11. Thu nhập khác	31	VI.6	15.567.382	65.715.997
12. Chi phí khác	32	VI.7	34.860.987	107.424.076
13. Lợi nhuận khác	40		(19.293.605)	(41.708.079)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.901.646.002	7.029.526.934
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.028.658.730	1.033.955.492
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8.872.987.272</u>	<u>5.995.571.442</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.616,68</u>	<u>1.092,41</u>

Người lập biểu

Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Đặng Văn Giáp

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.901.646.002	7.029.526.934
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		6.629.349.950	9.178.425.562
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(927.201.800)	(798.212.084)
- Chi phí lãi vay	06		287.969.229	318.212.379
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.891.763.381	15.727.952.791
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.547.821.057)	1.499.236.593
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		559.837.841	170.813.312
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.871.286.635	(1.879.644.556)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		37.439.830	616.195.480
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(287.969.229)	(318.212.379)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.252.170.043)	(1.194.411.732)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		162.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.178.018.400)	(538.170.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.256.348.958	14.083.759.504
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.561.200.920)	(5.354.215.976)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		927.201.800	815.851.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.633.999.120)	(4.538.364.976)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.020.865.804)	(1.020.865.804)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.189.539.890)	(2.985.386.171)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(5.210.405.694)</i>	<i>(4.006.251.975)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.588.055.856)	5.539.142.553
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27.507.929.285	21.968.786.732
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	24.919.873.429	27.507.929.285

Người lập biểu

Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Đặng Văn Giáp

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Vệ sinh môi trường, xây dựng lắp đặt, thu gom vận chuyển
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa, công trình, cảnh quan;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước;
 - Thi công các công trình điện trung, hạ thế dưới 35KV;
 - Thi công xây lắp hệ thống chiếu sáng, hệ thống tín hiệu giao thông./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2019
- Nhân viên:**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 591 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 562 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHCĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020. Công ty Cổ phần Môi Trường Đô thị Lào Cai thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền cho Cổ đông với số tiền 4.196.900.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo từng loại hình sản xuất kinh doanh như sau:

	Thuế suất
Vệ sinh môi trường, xử lý rác	10%
Các loại hình khác	20%

18. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	271.425.200	554.922.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.648.448.229	6.953.006.785
Các khoản tương đương tiền	18.000.000.000	20.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>18.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>
Cộng	<u>24.919.873.429</u>	<u>27.507.929.285</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Bắc Hà	3.723.536.747	1.956.695.647
Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Bát Xát	2.766.113.738	2.432.765.238
Phòng Quản lý đô thị thành phố Lào Cai	22.873.828.789	18.302.961.983
Phòng Quản lý đô thị thị xã SaPa	1.298.883.955	1.433.982.181
Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam-CTCP	1.359.659.000	1.359.659.000
Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai	2.410.332.832	2.798.689.808
Các khách hàng khác	<u>7.186.079.801</u>	<u>5.782.427.274</u>
Cộng	<u>41.618.434.862</u>	<u>34.067.181.131</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần vườn Hoàn Thiện	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trường Sơn	951.542.000	1.319.542.000
Các nhà cung cấp khác	129.366.987	46.533.048
Cộng	<u>1.200.908.987</u>	<u>1.486.075.048</u>

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	117.343.488	-	375.029.000	-
Ký cược, ký quỹ	5.822.418.899	-	1.283.000.000	-
Cộng	<u>5.939.762.387</u>	<u>-</u>	<u>1.658.029.000</u>	<u>-</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.564.019.400	2.252.255.295
Công cụ, dụng cụ	104.381.371	107.863.378
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	118.217.729	986.337.668
Cộng	<u>2.786.618.500</u>	<u>3.346.456.341</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÓ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	74.237.392.055	51.605.582.976	34.933.243.668	53.600.000	160.829.818.699
Số đầu năm	-	-	1.346.014.616	-	1.346.014.616
Mua trong năm	(64.100.000)	-	64.100.000	-	-
Phân loại lại	74.173.292.055	51.605.582.976	36.343.358.284	53.600.000	162.175.833.315
Số cuối năm	74.173.292.055	51.605.582.976	36.343.358.284	53.600.000	162.175.833.315
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	2.077.630.196	2.409.791.636	11.586.095.011	53.600.000	16.127.116.843
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.060.240.362	15.149.280.119	19.030.328.638	53.600.000	49.293.449.119
Khấu hao trong năm	2.469.896.597	2.022.479.417	2.776.794.725	-	7.269.170.739
Phân loại lại	(8.902.780)	-	8.902.780	-	-
Số cuối năm	17.521.234.179	17.171.759.536	21.816.026.143	53.600.000	56.562.619.858
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	59.177.151.693	36.456.302.857	15.902.915.030	-	111.536.369.580
Số cuối năm	56.652.057.876	34.433.823.440	14.527.332.141	-	105.613.213.457

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	897.314.616	(897.314.616)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	270.505.560	2.366.001.718	-	2.636.507.278
<i>Nâng cấp cải tạo trụ sở xí nghiệp Môi trường Sa Pa</i>	270.505.560	2.325.798.798	-	2.596.304.358
<i>Bê xi lý nước rỉ rác năm 2020</i>	-	40.202.920	-	40.202.920
Cộng	270.505.560	3.263.316.334	(897.314.616)	2.636.507.278

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	300.578.921	581.952.759
Các chi phí trả trước dài hạn khác	243.934.008	-
Cộng	<u>544.512.929</u>	<u>581.952.759</u>

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoa cây cảnh Vỹ Khê	214.987.500	677.423.250
Đỗ Thị Bích Ngọc	268.560.926	600.990.000
Lưu Quang Hiến	409.915.000	172.060.000
Công ty TNHH một thành viên Môi trường Công nghiệp Hoàng Yến	308.667.000	194.554.600
Trịnh Xuân Hưng	256.010.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.259.609.650	3.340.204.572
Cộng	<u>2.717.750.076</u>	<u>4.985.232.422</u>

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Môi trường Sơn La	41.000.000	41.000.000
Công ty Tuấn Vũ	15.000.000	15.000.000
Các khách hàng khác	10.120.000	119.996.000
Cộng	<u>66.120.000</u>	<u>175.996.000</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Phát sinh giảm</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	665.409.413	7.869.399.913	(6.728.886.197)	1.805.923.129
Thuế thu nhập doanh nghiệp	524.796.623	1.028.658.730	(1.252.170.043)	301.285.310
Thuế thu nhập cá nhân	40.765.880	326.595.560	(331.293.132)	36.068.308
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	<u>1.230.971.916</u>	<u>9.227.654.203</u>	<u>(8.315.349.372)</u>	<u>2.143.276.747</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình dịch vụ như sau:

Duy trì công viên, cây xanh đường phố, dịch vụ tang lễ	Không chịu thuế
Các hoạt động khác	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo từng loại hình sản xuất kinh doanh như sau:

Vệ sinh môi trường, xử lý rác	10%
Các loại hình khác	20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	-	1.472.704
Phải trả tiền cổ tức	12.059.027	4.698.917
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	44.725.100	67.077.100
Cộng	<u>56.784.127</u>	<u>73.248.721</u>

13. Vay ngân hàng ngắn và dài hạn**a) Vay ngân hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Vay dài hạn đến hạn trả				
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam</i>				
- <i>CN Lào Cai</i>	<u>1.020.865.804</u>	<u>1.020.865.804</u>	<u>1.020.865.804</u>	<u>1.020.865.804</u>
Cộng	<u>1.020.865.804</u>	<u>1.020.865.804</u>	<u>1.020.865.804</u>	<u>1.020.865.804</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	1.020.865.804	-	1.020.865.804	(1.020.865.804)	1.020.865.804
Cộng	<u>1.020.865.804</u>	<u>-</u>	<u>1.020.865.804</u>	<u>(1.020.865.804)</u>	<u>1.020.865.804</u>

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.677.359.328	9.698.225.132
Số tiền vay đã trả	-	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.020.865.804)	(1.020.865.804)
Số cuối năm	<u>7.656.493.524</u>	<u>8.677.359.328</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai theo Hợp đồng vay vốn ODA số 02/2010/HDODA-NHĐTPT ngày 27/10/2010, Giấy báo thu chi số 104/ 2014 và Công văn số 344/BTC-QLN ngày 08 tháng 01 năm 2016 thuộc Dự án cơ sở hạ tầng nông thôn tỉnh Lào Cai số tiền 13.271.285.441 VNĐ (Hợp phần xử lý rác thải) với lãi suất 3%/năm tính trên dư nợ, thời hạn vay 180 tháng (15 năm) kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng (2 năm). Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng một lần vào ngày 30/04 và 31/10 hàng năm, thanh toán lần đầu kể từ ngày hết thời gian ân hạn. Khoản vay này được sự bảo lãnh của UBND tỉnh Lào Cai.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.349.191.003	677.998.577	(319.650.000)	1.707.539.580
Quỹ phúc lợi	176.500.813	677.998.577	(621.250.000)	233.249.390
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	82.940.000	(82.940.000)	-
Cộng	<u>1.525.691.816</u>	<u>1.438.937.154</u>	<u>(1.023.840.000)</u>	<u>1.940.788.970</u>

Năm 2020, Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHCD ngày 18 tháng 5 năm 2020. Tổng số tiền là 1.438.937.154 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ TINH LAO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	41.711.750.000	88.290.536.406	330.046.686	4.353.979.951	134.686.313.043
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	5.995.571.442	5.995.571.442
Trích lập các quỹ	-	-	320.366.259	(1.281.465.038)	(961.098.779)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(2.990.085.088)	(2.990.085.088)
Tặng/Giảm khác	-	307.600.000	-	(82.429.825)	225.170.175
Số dư cuối năm trước	41.711.750.000	88.598.136.406	650.412.945	5.995.571.442	136.955.870.793
Số dư đầu năm nay	41.711.750.000	88.598.136.406	650.412.945	5.995.571.442	136.955.870.793
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	8.872.987.272	8.872.987.272
Trích lập các quỹ (*)	-	-	359.734.288	(1.798.671.442)	(1.438.937.154)
Chia cổ tức, lợi nhuận (*)	-	-	-	(4.196.900.000)	(4.196.900.000)
Tặng/Giảm khác	-	-	-	297.025.755	297.025.755
Số dư cuối năm nay	41.711.750.000	88.598.136.406	1.010.147.233	9.170.013.027	140.490.046.666

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHCD ngày 18 tháng 5 năm 2020. Công ty Cổ phần Môi Trường Đồ thị Lào Cai thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2019 như sau:

- Trích lập các quỹ với tỷ lệ 30 % lợi nhuận sau thuế tương ứng 1.798.671.442 VND, trong đó:

+ *Quỹ đầu tư phát triển 20% của 30% lợi nhuận sau thuế tương ứng 359.734.288 VND*

+ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp 80% của 30% lợi nhuận sau thuế tương ứng 1.438.937.154 VND*

- Chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 70% lợi nhuận sau thuế cho Cổ đông tương ứng 4.196.900.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Phạm Văn Tân	21.272.990.000	21.272.990.000
Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa	2.919.820.000	2.919.820.000
Cá nhân khác	17.518.940.000	17.518.940.000
Cộng	<u>41.711.750.000</u>	<u>41.711.750.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.171.175	4.171.175
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.171.175	4.171.175
- Cổ phiếu phổ thông	4.171.175	4.171.175
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.171.175	4.171.175
- Cổ phiếu phổ thông	4.171.175	4.171.175
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	122.618.669.547	111.850.078.883
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.618.669.547	111.850.078.883
Các khoản giảm trừ doanh thu	(23.352.728)	(53.123.909)
+ Giảm giá dịch vụ cung cấp	(23.352.728)	(53.123.909)
Doanh thu thuần	<u>122.595.316.819</u>	<u>111.796.954.974</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	104.437.321.210	96.146.858.042
Cộng	<u>104.437.321.210</u>	<u>96.146.858.042</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	927.201.800	815.851.000
Cộng	<u>927.201.800</u>	<u>815.851.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	287.969.229	318.212.379
Cộng	<u>287.969.229</u>	<u>318.212.379</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.899.339.871	4.996.148.900
Chi phí vật liệu quản lý	303.963.694	304.686.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	204.215.339	179.006.217
Thuế, phí và lệ phí	50.940.469	25.141.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	574.454.391	646.046.244
Các chi phí khác	1.843.374.809	2.925.471.517
Cộng	<u>8.876.288.573</u>	<u>9.076.500.540</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hồ sơ thầu	-	6.818.181
Tiền phòng ở tập thể	13.636.350	17.999.982
Thu nhập khác	1.931.032	40.897.834
Cộng	<u>15.567.382</u>	<u>65.715.997</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ phá dỡ	-	17.638.916
Phạt truy thu, chậm nộp thuế	14.860.987	89.785.160
Chi phí khác	20.000.000	
Cộng	<u>34.860.987</u>	<u>107.424.076</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.901.646.002	7.029.526.934
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	34.860.987	-
<i>Phạt truy thu, chậm nộp thuế</i>	<i>14.860.987</i>	-
<i>Chi phí khác</i>	<i>20.000.000</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	9.936.506.989	7.029.526.934
- Thu nhập tính thuế TNDN với thuế suất 10%	5.990.675.640	3.719.498.955
- Thu nhập tính thuế TNDN với thuế suất 20%	3.945.831.349	3.310.027.979
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.388.233.834	1.033.955.492
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(416.470.151)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	56.895.047	-
Tổng Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.028.658.730	1.033.955.492

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.872.987.272	5.995.571.442
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	<i>(2.129.516.945)</i>	<i>(1.438.937.154)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.743.470.327	4.556.634.288
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.171.175	4.171.175
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.616,68	1.092,41

(*) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHCD ngày 18 tháng 5 năm 2020.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.171.175	4.171.175
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.171.175	4.171.175

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.889.216.332	25.506.672.587
Chi phí công cụ dụng cụ	1.167.554.208	1.162.662.609
Chi phí nhân công	75.017.670.318	64.222.967.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.629.349.950	9.178.425.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.970.969.710	2.775.651.625
Chi phí khác	2.057.059.012	3.412.768.880
Cộng	<u>114.731.819.530</u>	<u>106.259.148.666</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng Công ty.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Ban lãnh đạo</i>		
Cổ tức phải trả	96.912.601	90.867.507
Cổ tức đã trả	96.912.601	90.867.507
Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, thù lao	2.535.625.000	2.020.560.000
Cộng	<u>2.535.625.000</u>	<u>2.020.560.000</u>

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Dịch vụ Công ích đô thị và toàn bộ hoạt động kinh doanh của đơn vị diễn ra trên địa bàn Tỉnh Lào Cai. Do đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	1.020.865.804	7.656.493.524	-	8.677.359.328
Phải trả người bán	2.717.750.076	-	-	2.717.750.076
Các khoản phải trả khác	18.564.991.427	-	-	18.564.991.427
Cộng	22.303.607.307	7.656.493.524	-	29.960.100.831
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.020.865.804	-	8.677.359.328	9.698.225.132
Phải trả người bán	4.985.232.422	-	-	4.985.232.422
Các khoản phải trả khác	14.591.012.821	-	-	14.591.012.821
Cộng	20.597.111.047	-	8.677.359.328	29.274.470.375

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.919.873.429	27.507.929.285	24.919.873.429	27.507.929.285
Phải thu khách hàng	41.618.434.862	34.067.181.131	41.618.434.862	34.067.181.131
Các khoản phải thu khác	5.939.762.387	1.658.029.000	5.939.762.387	1.658.029.000
Cộng	72.478.070.678	63.233.139.416	72.478.070.678	63.233.139.416
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	8.677.359.328	9.698.225.132	8.677.359.328	9.698.225.132
Phải trả người bán	2.717.750.076	4.985.232.422	2.717.750.076	4.985.232.422
Các khoản phải trả khác	18.564.991.427	14.591.012.821	18.564.991.427	14.591.012.821
Cộng	29.960.100.831	29.274.470.375	29.960.100.831	29.274.470.375

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Do ảnh hưởng của việc trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHCĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020. Chi tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.113,97	(21,56)	1.092,41

Lập ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Đặng Văn Giáp

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Tân

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 18/5/2020;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 27/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty, về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-HĐQT ngày 05/10/2018 của Hội đồng quản trị Công ty, về việc ban hành Quy chế công bố thông tin;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 02/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua một số nội dung sau:

1. Kết quả SXKD, phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	110.000	123.538,09	112,31
2	Lợi nhuận trước thuế	6.800	9.901,65	145,61
3	Tổng lợi nhuận sau thuế để phân phối		9.170,01	
-	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	5.800	8.872,99	152,98
-	Lợi nhuận tăng thêm sau Kết luận của Thanh tra thuế năm 2019 chuyển sang		297,02	
4	Trích lập các quỹ (30% LNST)	1.740	2.751,00	158,10
-	Quỹ đầu tư phát triển	348	550,20	158,10
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.392	2.200,80	158,10

5	Lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức	4.060,00	6.419,01	158,10
6	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến (%)	9,73	15,39	158,10
7	Nộp ngân sách nhà nước	8.000	9.227,65	115,31

2. Kế hoạch SXKD, phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	120.000
2	Lợi nhuận trước thuế	9.180
3	Lợi nhuận sau thuế	7.680
4	Trích lập các quỹ (30% LNST)	2.304
-	Quỹ đầu tư phát triển (30% của 30% LNST)	691
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (70% của 30% LNST)	1.613
5	Lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức	5.376
6	Tỷ lệ cổ tức (%)	12,89
7	Thu nhập bình quân đầu người/tháng	8,4
8	Nộp ngân sách nhà nước	8.000

3. Kế hoạch đầu tư, mua sắm thiết bị năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Đã đầu tư đến 31/12/2020	KH đầu tư năm 2021
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Xí nghiệp Môi trường Sa Pa	8.993,08	2.596,30	6.400
2	Mua mới 01 xe ô tô tang lễ			1.500
3	Đầu tư ga tập kết rác (05 cái); xe ép rác và xe nâng hạ			8.100

4	Đầu tư hệ thống vườn ươm cây xanh đô thị			200
5	Các đầu tư khác			500
	Tổng công:			16.700

4. Nội dung Báo cáo thường niên năm 2020.

5. Nội dung bản dự thảo Báo cáo Kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2021 để gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội Lào Cai thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

6. Xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, chậm nhất trước ngày 30/6/2021.

Điều 2. Giao các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng (ban), đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Tân